

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **33/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 15-01-2020

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Phương.

2. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

Thư ký phiên tòa: Ông Quách Minh Tuyên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Mỹ Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 765/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 515/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 430/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/12/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Mỹ T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: 3A69/1 Tỉnh lộ 10, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Bùi Trường Chinh- Văn phòng luật sư Trường Chinh, thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Dung K, sinh năm: 1990;

Địa chỉ: D20/4/6 ấp 4, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 08 tháng 7 năm 2019, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đặng Thị Mỹ T trình bày:

Bà Đặng Thị Mỹ T và ông Nguyễn Dung K tự nguyện kết hôn vào năm 2015, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2015, theo Giấy chứng

nhận kết hôn số 148, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã Hòa Mỹ, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 14/10/2015, thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có một con chung, sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do tính tình quan điểm sống không còn hòa hợp, vợ chồng không có sự yêu thương chăm sóc lẫn nhau, bà T và ông K sống ly thân từ tháng 02/2019 cho đến nay. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà T yêu cầu ly hôn với ông K.

Về con chung: Có một người con chung tên là Nguyễn Hiếu Nghĩa, sinh ngày: 04/3/2016, Bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, bà yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trẻ Nghĩa thành niên.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Nguyễn Dung K vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào.

Luật sư Bùi Trường Chinh bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 148, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã Hòa Mỹ, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 14/10/2015 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông K là hôn nhân hợp pháp; Bà T và ông K có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cả hai đã cố gắng hòa giải để đoàn tụ gia đình lo cho con cái nhưng không thành, ông K thường xuyên bạo lực gia đình, cả hai từ lâu không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ông K và bà T đã sống ly thân từ lâu, từ khi sống ly thân thì bà T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là trẻ Nguyễn Hiếu Nghĩa, ông K không phụ giúp gì để nuôi dưỡng con chung; cần phải buộc ông K có trách nhiệm nuôi con chung. Từ những phân tích nêu trên luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên việc giải quyết vụ án vẫn còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Bà Đặng Thị Mỹ T khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông Nguyễn Dung K. Ông Nguyễn Dung K có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Dung K, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Nguyễn Dung K vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông K theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 148, quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã Hòa Mỹ, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 14/10/2015, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Thị Mỹ T và ông Nguyễn Dung K là hôn nhân hợp pháp được qui định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét quá trình giải quyết vụ án, bà Đặng Thị Mỹ T xác nhận là đời sống chung giữa bà và ông K có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn hòa hợp, cả hai đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay và không ai còn quan tâm chăm sóc nhau từ lâu.

Tại kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung “ không nắm được thông tin về cuộc sống hôn nhân của bà T và ông K”. Tuy nhiên theo lời trình bày của nguyên đơn thì cuộc sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đã từ lâu không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và cả hai đã sống ly thân. Qua đó thể hiện tình trạng hôn nhân giữa bà Đặng Thị Mỹ T và ông Nguyễn Dung K là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Đặng Thị Mỹ T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Dung K là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị Mỹ T.

[2.2] Về con chung: Bà Đặng Thị Mỹ T xác nhận giữa bà và ông K có một người con chung tên Nguyễn Hiếu Nghĩa, sinh ngày 04/3/2016, bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Nghĩa. Xét bà T là người trực tiếp nuôi trẻ Nghĩa từ nhỏ cho đến nay, ông K không có trách nhiệm với con cái kể từ khi sống ly thân. Do đó, để ổn định sự phát triển của trẻ cũng như điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao trẻ Nghĩa cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trẻ Nghĩa thành niên. Xét bà T là người trực tiếp nuôi trẻ Nghĩa từ nhỏ cho đến nay, ông K không có trách nhiệm với con cái kể từ khi sống ly thân, con chung thì cả cha và mẹ đều phải có trách nhiệm chung trong việc nuôi dưỡng giáo dục và mức cấp dưỡng cũng phù hợp với nhu cầu của trẻ Nghĩa, sát với thực tế; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T; buộc ông Nguyễn Dung K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Nghĩa mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng.

[2.4] Về tài sản chung: Bà Đặng Thị Mỹ T đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Đặng Thị Mỹ T trình bày bà và ông Nguyễn Dung K không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Riêng ông Nguyễn Dung K vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về tài sản chung, nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung theo chứng cứ và yêu cầu của bà T. Trường hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[2.5] Ông Nguyễn Dung K đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng ông vẫn vắng mặt. Vì vậy, ông K đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Đặng Thị Mỹ T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là. Ông K chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị Mỹ T đối với ông Nguyễn Dung K.

Bà Đặng Thị Mỹ T được ly hôn với ông Nguyễn Dung K. Quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Thị Mỹ T và ông Nguyễn Dung K chấm dứt cũng như Giấy chứng nhận kết hôn số 148, quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã Hòa Mỹ, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 14/10/2015 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Hiếu Nghĩa, sinh ngày 04/3/2016 cho bà Đặng Thị Mỹ T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Dung K có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Buộc ông Nguyễn Dung K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn Hiếu Nghĩa, sinh ngày 04/3/2016 mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng. Thi hành vào ngày 10 (mười) hàng tháng, bắt đầu từ tháng 02/2020 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp ông Nguyễn Dung K không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo án tuyên thì bà T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp ông K chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì ông K phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng nuôi con được quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng nuôi .

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà Đặng Thị Mỹ T xác nhận là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Đặng Thị Mỹ T chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0002521 ngày 18/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự

huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Dung K chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự (4);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Cơ quan nơi thực hiện việc
đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Chiến